SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL




Light

# FLUX S1PS SANDAL TLS

FLUXS1PSTL

**Sandal** nh ẹ , **đa** **, T** chứa **kim** l

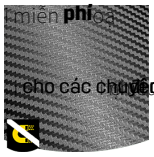
Dép bảo h ộ FLUX S1PS SANDAL TLS là công việ c nh ẹ trong môi khô ráo. Dép có **khóa** **Pu/P** **kim** và mũi dép bằ g nanocarbon siêu nh ẹ . Hệ th ố n g **khóa** TLS giúp việ c mang và tháo dép nhanh chóng và dễ dàng.

$CO_2$ 8.53 kg



BLK

| | |
|---|---|
| Những vật liệu cao cấp hơn | TPU, nubuck t |
| lót bên trong | i tái chế lướ |
| trong | Đ ệm chân SJ Memory Foam |
| iữa | đế g ệt chống thủ ng |
| ngoài | Đ PU / PU |
| u | Đứng đầ Nanocarbon |
| i | Loạ S1 PS / SR, SC, FO, ESD |
| | Phạm vi kích thước EU 35-50 / UK 3.0-14.0 / US 3.0-15.0<br>JPN 21.5-33.0 / KOR 230-330 |
| ng lượng | thép 0.520 kg |
| ẩn | hiêu chu EN ISO 20345:2022+A1:2024<br>ASTM F2413:2024 |



**Kim** l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng cho các chuyên gia giày



**TLS** (Hệ thống) **khóa** x
Nhờ phần đóng TLS sáng tạo Safety Jogger , bạn có thể giày và tháo giày nhanh chóng và dễ dàng. Một trong đó cung cấp và thúc đẩy



**mũi** **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng biệt để chống mài mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng giày an toàn



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có thể làm hỏng các bộ phận điện tử và ngăn chặn tia lửa do tích điện. 100 KiloOhm và 100 MegaOhm.



**Mũi giày an toàn** bằng **nano-carbon**
Vật liệu công nghệ cao siêu nhẹ, không kim l



Phần **trên thoáng khí**
Tăng độ ẩm và kiểm soát nhiệt độ giữ mát lâu hơn.

**Công** nghiệp **n:**

cần , Biện t ập , lĩnh vự c ô tô, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t

rư ờn g môi khô, b ề mặt không bằn g phẳn g, Bề mặt cự c mịn

**Cac** hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn g cách sử dụn g Không trên lò s

K

| | Sự **miêu** t ả | **EN ISO 20345** | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nhữ n g vật l iệu **TPU, nubuck** tợp **cao** cấp h ơn | | | | | | |
| | Top: khả năng thấm hút nước | ? 0.8 | 2.3 | | ờ | mg/cm/g |
| | Top: hệ số khuếch tán hơi nước | ? 15 | 19.9 | | | mg/cm2 |
| **ót bên trong** | i **tái** th ế ớ | | | | | |
| | Lớp lót: khả năng thấm hút nước | ? 2 | 49.8 | | ờ | mg/cm/g |
| | Lót: hệ số khuếch tán hơi nước | ? 20 | 398.8 | | | mg/cm2 |
| **rong** Đ ệ m **chân SJ Memory Foam** | | | | | | |
| | ệ m chân Độ bền mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ) | 25600/12800 | Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles | | | chu kỳ |
| **goài** Đ | **PU / PU** | | | | | |
| | Chỉ số mài mòn đế ngoài ( | ? 150 | 40.9 | | | mm |
| | Chư ố ợt trơ gót bàn - Ceramic + NaLS - Trư ợt gót v ề phía t | ? 0.31 | 0.49 | | | ma sát |
| | rư Cột cố ợt bằng G ố m + NaLS - Trư ợt lùi v ề phía t | ? 0.36 | 0.48 | | | ma sát |
| | rư Cột SR - G ố m + Glycerin - Trư ợt gót phía t | ? 0.19 | 0.30 | | | ma sát |
| | Chư ố ợt SR gót G ố m + Glycerin - Trư ợt lùi v ề phía t | ? 0.22 | 0.25 | | | ma sát |
| | rị ch ố Giá t tĩnh điệ n | 0.1 - 1000 | 18.7 | | | megaohm |
| | rị ESD Giá t | 0.1 - 100 | 5.2 | | | megaohm |
| | Hấp thụ năng l ợ gót chân củ | ? 20 | 30 | | | J |
| Đ ứ n g đầ **Nanocarbon** | | | | | | |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J) | N/A | N/A | | | mm |
| | Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN) | N/A | N/A | | | mm |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J) | ? 14 | 15.5 | | | mm |
| | Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN) | ? 14 | 21.5 | | | mm |

kích thước thép: 42

a chú Giày bảo hộ có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

**hân sinh thái:**

| | Sự **miêu** t ả | ế t ả | ơn vị u | **đo** l | Đ ờn g q |
|---|---|---|---|---|---|
| i **CO#hát** thả | | | | | |
| | V ật l iệu | | 6.26 | | kg |
| | Bao bì | | 0.12 | | kg |
| | ất Sản x u | | 1.90 | | kg |
| | Chuyên ch ở | | 0.26 | | kg |
| | | | **8.53 kg CO2/** cặp | | |

| | Sự **miêu** t ả | ế t ả | K u | q |
|---|---|---|---|---|
| ệ vật l Tiệ ý **tái** ch ế | | | | |
| | Product | | 9% | |
| | Bao bì | | 99% | |

Tính toán CO2:

rị đ Các giá tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com